

Số: 45 /2016/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 09 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ
phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa các
cấp ngân sách thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khoá IX, kỳ họp thứ 3 về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 2981/STC-QLNS ngày 09 tháng 12 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

1. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi (kèm theo Phụ lục I).
2. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã đối với phần ngân sách địa phương được hưởng từ các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách ở địa phương (kèm theo Phụ lục II).
3. Trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020, nếu các đối tượng nộp thuế chuyển trụ sở sang các huyện, thành phố khác gây ảnh hưởng lớn đến số thu tại địa bàn các huyện, thành phố trước kia đặt trụ sở, giao UBND tỉnh xem xét, quyết định tính chỉ tiêu thu cho địa bàn các huyện, thành phố trước kia đối tượng nộp thuế đặt trụ sở để không biến động lớn đến nguồn lực ngân sách các huyện, thành phố đã ổn định từ năm 2017.

Điều 2. Thời hạn áp dụng

1. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách tỉnh Tây Ninh được áp dụng từ năm 2017.

2. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu phân chia giữa các cấp ngân sách được áp dụng trong giai đoạn 2017 - 2020.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế, Cục trưởng Cục Hải quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB-BTP;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Như điều 4;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu: VT.VPUBND tỉnh.

(THAO 2016 2, NS 2017)

30

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KI CHỦ TỊCH



Dương Văn Thắng

Phụ lục I

PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI, TỶ LỆ % PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 2017-2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 45/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

STT	Nội dung
A	PHÂN CẤP NGUỒN THU CHO CÁC CẤP NGÂN SÁCH
I	Các khoản thu ngân sách hưởng 100%
I.1	Ngân sách cấp tỉnh
1	Thuế tài nguyên của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài, công ty cổ phần, các đơn vị khác của trung ương và tỉnh quản lý;
2	Tiền sử dụng đất thuộc cấp tỉnh quản lý;
3	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước thuộc cấp tỉnh quản lý và tiền cho thuê đất, thuê mặt nước của doanh nghiệp đầu tư nước ngoài;
4	Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước của cấp tỉnh quản lý;
5	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết: Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thu khác;
6	Thu nhập từ vốn góp của ngân sách địa phương; các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương tại các cơ sở kinh tế, thu thanh lý tài sản của tỉnh quản lý; thu khác của các doanh nghiệp nhà nước và đơn vị hành chính sự nghiệp của tỉnh quản lý, doanh nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài, công ty cổ phần;
7	Thu cổ tức là lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu;
8	Thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu;
9	Thuế thu nhập doanh nghiệp của các đơn vị hạch toán toàn ngành;
10	Thu từ quỹ dự trữ tài chính;
11	Thu viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;
12	Các khoản phí, lệ phí phân nộp ngân sách nhà nước do các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh tổ chức thu theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan (không kể lệ phí trước bạ);
13	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh thực hiện;
14	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh xử lý.
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản do cấp tỉnh cấp phép;
16	Thu tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa;
17	Huy động từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

STT	Nội dung
18	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho cấp tỉnh;
19	Thu từ huy động (thu vay) đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định tại khoản 6 Điều 7 của Luật ngân sách nhà nước;
20	Thu kết dư ngân sách tỉnh;
21	Các khoản thu khác ngân sách tỉnh theo quy định của pháp luật;
22	Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương;
23	Thu chuyển nguồn của ngân sách tỉnh năm trước chuyển sang.
I.2	Ngân sách cấp huyện, thành phố (gọi tắt là cấp huyện)
1	Thuế tài nguyên thu từ công ty TNHH, doanh nghiệp của tổ chức, đoàn thể, hợp tác xã và các đơn vị khác của cấp huyện quản lý;
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp của các đối tượng trên địa bàn (không kể hộ gia đình);
3	Thu tiền sử dụng đất thuộc cấp huyện quản lý;
4	Tiền thuê đất, thuê mặt nước thuộc cấp huyện quản lý;
5	Tiền cho thuê nhà và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước cấp huyện quản lý;
6	Thu tiền bán tài sản của huyện quản lý, thu khác từ công ty TNHH, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp của tổ chức, đoàn thể, hợp tác xã và các đơn vị khác của cấp huyện quản lý;
7	Thu viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp huyện theo quy định của pháp luật;
8	Các khoản phí phần nộp ngân sách nhà nước, lệ phí theo quy định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện tổ chức thu (không kể lệ phí trước bạ và lệ phí môn bài của cá nhân, hộ kinh doanh);
9	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện thực hiện;
10	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện xử lý.
11	Huy động từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;
12	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho cấp huyện;
13	Thu kết dư ngân sách cấp huyện;
14	Các khoản thu khác ngân sách huyện theo quy định của pháp luật;
15	Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh;
16	Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp huyện năm trước chuyển sang.
I.3	Ngân sách cấp xã, phường, thị trấn (gọi tắt là cấp xã)
1	Thu thuế tài nguyên và thu khác từ cá nhân và hộ kinh doanh, thu thanh lý tài sản của xã, phường, thị trấn quản lý;
2	Các khoản phí phần nộp ngân sách, lệ phí theo quy định của pháp luật do cấp xã, phường, thị trấn tổ chức thu (không kể lệ phí trước bạ);
3	Thu đấu thầu, thu khoán theo mùa vụ từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác thuộc cấp xã, phường, thị trấn quản lý;
4	Các khoản huy động, đóng góp theo pháp luật quy định;

STT	Nội dung
5	Các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện của các tổ chức, cá nhân cho xã, phường, thị trấn;
6	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do xã, phường, thị trấn quyết định;
7	Thu viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở ngoài nước trực tiếp cho cấp xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật;
8	Thu kết dư ngân sách xã, phường, thị trấn;
9	Các khoản thu khác của ngân sách xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật;
10	Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp huyện;
11	Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp xã năm trước chuyển sang.
II	Các nguồn thu phân chia theo tỷ lệ (%) phần trăm giữa ngân sách trung ương với ngân sách địa phương, ngân sách địa phương được hưởng 100% phân chia cho tỉnh, huyện và xã
1	Thuế giá trị gia tăng (trừ thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động xổ số kiến thiết);
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp (không kể thuế thu nhập thu từ hoạt động xổ số kiến thiết);
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ dịch vụ, hàng hóa sản xuất trong nước (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hoạt động xổ số kiến thiết);
4	Thuế thu nhập cá nhân;
5	Thuế bảo vệ môi trường (trừ thuế bảo vệ môi trường thu từ nhập khẩu);
6	Lệ phí trước bạ của các đối tượng nộp (không kể lệ phí trước bạ nhà, đất);
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;
8	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh;
9	Lệ phí trước bạ nhà, đất;
10	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình.
B	<u>PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI CÁC CẤP NGÂN SÁCH</u>
I	<u>Nhiệm vụ chi ngân sách cấp tỉnh</u>
I.1	Chi đầu tư phát triển
1	Đầu tư xây dựng cơ bản cho các dự án do cấp tỉnh quản lý cho các lĩnh vực;
2	Đầu tư hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
3	Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.
I.2	Chi thường xuyên
1	Các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội do ngân sách tỉnh bảo đảm;
2	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: - Sự nghiệp giáo dục: Giáo dục trung học phổ thông, bổ túc văn hóa công lập, trung tâm giáo dục thường xuyên, thực nghiệm giáo dục phổ thông, dạy trẻ khuyết tật và các hoạt động giáo dục khác;

STT	Nội dung
	- Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề: Cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác;
3	Sự nghiệp khoa học và công nghệ: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học và công nghệ, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác;
4	Sự nghiệp y tế: + Khám, chữa bệnh tại bệnh viện đa khoa, các bệnh viện chuyên khoa tỉnh và các hoạt động phòng bệnh, hoạt động y tế khác của tỉnh, khám chữa bệnh tại bệnh viện đa khoa huyện, thành phố, trạm y tế các xã, phường, thị trấn và các hoạt động phòng bệnh, hoạt động y tế khác trên địa bàn huyện, thành phố; + Dân số và kế hoạch hóa gia đình; + Bảo hiểm y tế cho các đối tượng được ngân sách hỗ trợ (trừ đối tượng được hưởng chính sách bảo trợ xã hội, người cao tuổi và người khuyết tật); + Ngân sách tỉnh chi quản lý ngân sách sự nghiệp y tế trên phạm vi toàn tỉnh theo hệ thống ngành dọc;
5	Sự nghiệp văn hóa thông tin: Bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và các hoạt động văn hoá khác;
6	Sự nghiệp Phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác;
7	Sự nghiệp thể dục, thể thao: Bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh, các giải thi đấu cấp tỉnh; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục, thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác;
8	Sự nghiệp bảo vệ môi trường do tỉnh quản lý; (Nhiệm vụ cụ thể theo quy định hoặc giao nhiệm vụ của trung ương và tỉnh)
9	Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do cấp tỉnh quản lý:
	- Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác; lập biển báo và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường bộ, đường sông;
	- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm, trại nông, lâm nghiệp, ngư nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản;
	- Sự nghiệp tài nguyên: điều tra cơ bản; đo đạc địa giới hành chính; đo vẽ bản đồ; đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động địa chính khác;
	- Lĩnh vực quy hoạch; thương mại, du lịch;
	- Sự nghiệp thị chính bao gồm: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước và các sự nghiệp thị chính khác.
	- Các sự nghiệp kinh tế khác;
10	Sự nghiệp đảm bảo xã hội: các trại xã hội; cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội; thực hiện các chính sách xã hội đối với đối tượng do cấp tỉnh quản lý: thăm hỏi lễ, tết các đối tượng, hỗ trợ khác;

STT	Nội dung
11	- Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc cấp tỉnh; - Hoạt động của các tổ chức chính trị-xã hội thuộc cấp tỉnh: Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội cựu chiến binh Việt Nam;
12	Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội-nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp thuộc cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;
13	Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật;
14	Trợ giá, trợ cước theo chính sách cho các đối tượng theo quy định của Trung ương và của tỉnh;
15	Chi hỗ trợ đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn, hỗ trợ địa phương khác để thực hiện một số nhiệm vụ theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 9 Điều 9 của Luật NSNN năm 2015.
I.3	Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác theo quy định của pháp luật.
I.4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương.
I.5	Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp tỉnh.
I.6	Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.
II	<u>Nhiệm vụ chi ngân sách huyện, thành phố</u>
II.1	Chi đầu tư phát triển
	- Đầu tư xây dựng cơ bản cho các dự án do cấp huyện quản lý và theo phân cấp cho các lĩnh vực;
	- Các trường phổ thông trung học công lập;
	- Các tuyến kênh tưới tiêu loại 3 (diện tích dưới 50 ha), kè cả công, đập và đường giao thông trên bờ kênh;
	- Các tuyến đường huyện, thành phố; đường liên xã thuộc huyện, đường liên phường thuộc thành phố (kể cả cầu nằm trên đường) ;
	- Trường mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở; Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố;
	- Trung tâm văn hóa thể thao cấp huyện, trung tâm văn hóa thể thao- học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn; cụm văn hóa thể thao dân tộc thiểu số;
	- Nhà bia tưởng niệm anh hùng liệt sĩ xã, thị trấn, phường, nghĩa trang liệt sĩ huyện, thành phố;
	- Trung tâm thương mại, chợ huyện, thành phố, chợ xã, thị trấn, phường;
	- Trụ sở làm việc của các cơ quan huyện, thành phố, thị trấn, <i>phường (trừ các ngành thuộc ngành dọc quản lý)</i> . Riêng đối với Trụ sở làm việc của huyện ủy, thành ủy, UBND huyện, thành phố chưa xây dựng, Đảng ủy xã, UBND xã mới thành lập do chia tách địa giới hành chính do ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện, thành phố;
	- Các khoản chi đầu tư khác theo quy định của pháp luật.
II.2	Chi thường xuyên

STT	Nội dung
1	Các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trật tự, an toàn xã hội phần huyện, thành phố thực hiện;
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo: - Chi sự nghiệp giáo dục: trung học cơ sở, tiểu học, nhà trẻ, mẫu giáo quốc lập - Hoạt động của trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thành phố.
3	Sự nghiệp khoa học và công nghệ: ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác do cấp huyện thực hiện theo quy định;
4	Sự nghiệp y tế: Bảo hiểm y tế cho các đối tượng được hưởng chính sách bảo trợ xã hội, người cao tuổi và người khuyết tật được ngân sách hỗ trợ;
5	Sự nghiệp văn hóa thông tin: Bảo tồn, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và các hoạt động văn hoá khác;
6	Sự nghiệp phát thanh, truyền thanh và các hoạt động thông tin khác;
7	Sự nghiệp thể dục, thể thao;
8	Sự nghiệp bảo vệ môi trường do huyện, thành phố quản lý; (Nhiệm vụ cụ thể theo quy định hoặc giao nhiệm vụ của trung ương và tỉnh)
9	Chi sự nghiệp kinh tế do cấp huyện quản lý - Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác; lập biển báo và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường bộ; giao thông nông thôn; - Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp: bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng và phòng chống cháy rừng nằm ngoài các dự án tỉnh quản lý đã phân cấp; - Sự nghiệp tài nguyên: lập hồ sơ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thống kê hiện trạng sử dụng đất theo quy định; xây dựng bản đồ hiện trạng đất; chỉnh lý; đăng ký biến động đất đai; - Lĩnh vực quy hoạch; thương mại, du lịch; - Sự nghiệp thị chính: duy tu bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thị, công viên; điện chiếu sáng công cộng, vệ sinh công cộng và các sự nghiệp thị chính khác. - Các sự nghiệp kinh tế khác;
10	Chi đảm bảo xã hội: Cứu tế xã hội, mai táng phí, đám tang các đối tượng chính sách; công tác quản lý nghĩa trang; công tác chi thực hiện chính sách cho các đối tượng bảo trợ xã hội, người cao tuổi, người khuyết tật theo quy định [trợ cấp hàng tháng, mai táng phí,... (không kể chi hỗ trợ mua bảo hiểm y tế)]; chi đảm bảo xã hội khác do cấp huyện thực hiện;
11	Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc cấp huyện; Hoạt động của các tổ chức chính trị-xã hội thuộc cấp huyện: Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam;
12	Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp thuộc cấp theo quy định của pháp luật;
13	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;

STT	Nội dung
14	Trợ giá, trợ cước theo chính sách cho các đối tượng theo quy định của Trung ương và của tỉnh;
15	Chi hỗ trợ đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn, hỗ trợ địa phương khác để thực hiện một số nhiệm vụ theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 9 Điều 9 của Luật NSNN năm 2015.
II.3	Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp huyện.
II.4	Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.
III	<u>Nhiệm vụ chi ngân sách xã, phường, thị trấn</u>
III.1	Chi đầu tư phát triển
	- Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn theo phân cấp của cấp tỉnh theo các lĩnh vực; - Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của xã từ nguồn huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật và Luật đầu tư công cho từng dự án nhất định, do Hội đồng nhân dân xã quyết định đưa vào ngân sách xã quản lý theo các lĩnh vực.
III.2	Chi thường xuyên:
1	Chi quốc phòng, an ninh: Các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trật tự, an toàn xã hội phân cấp xã thực hiện theo quy định của Trung ương và địa phương;
2	Chi sự nghiệp giáo dục: Hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo trên địa bàn xã;
3	Chi sự nghiệp y tế: Hỗ trợ phục vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn xã (bao gồm chi thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú, các nhiệm vụ y tế được giao hoặc phân cấp theo quy định);
4	Sự nghiệp văn hóa thông tin: Các hoạt động văn hóa, phong trào (kể cả chi hoạt động cho công tác thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" ở cấp xã theo các quy định của Trung ương và tỉnh;
5	Sự nghiệp truyền thanh và các hoạt động thông tin khác;
6	Sự nghiệp thể dục, thể thao do xã, phường, thị trấn quản lý;
7	Chi hoạt động bảo vệ môi trường, bao gồm thu gom, xử lý rác thải;
8	Chi sự nghiệp kinh tế do cấp xã quản lý: - Chi cho các hoạt động kinh tế bao gồm: Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các công trình phúc lợi, các công trình kết cấu hạ tầng, các công trình khác do xã quản lý; hỗ trợ khuyến khích phát triển các hoạt động kinh tế như: khuyến công, khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm theo chế độ quy định; các sự nghiệp kinh tế khác; - Sự nghiệp tài nguyên: lập kế hoạch sử dụng đất, thống kê hiện trạng sử dụng đất;

STT	Nội dung
9	Chi đảm bảo xã hội: - Chi thăm hỏi các gia đình chính sách; trợ giúp xã hội và công tác xã hội khác; Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã, phường, thị trấn nghỉ việc theo chế độ quy định (không kể trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã, phường, thị trấn nghỉ việc và trợ cấp thôi việc 1 lần cho cán bộ xã, phường, thị trấn nghỉ việc từ ngày 01/01/1998 trở về sau do tổ chức bảo hiểm xã hội chi); - Trợ giá, trợ cước theo chính sách cho các đối tượng theo quy định của Trung ương và tỉnh (như: chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn theo quy định tại Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/08/2009 của Thủ tướng Chính phủ,...).
10	- Chi cho hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật; - Chi cho hoạt động của các cơ quan nhà nước: Tiền lương cho cán bộ, công chức; hoạt động phí đại biểu Hội đồng nhân dân; các khoản phụ cấp khác theo quy định của Nhà nước; công tác phí; chi về hoạt động, văn phòng, như: chi phí điện nước, văn phòng phẩm, phí bưu điện, điện thoại, hội nghị, chi tiếp tân, khánh tiết; chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên trụ sở, phương tiện làm việc và tài sản cố định khác; chi cho cán bộ không chuyên trách cấp xã, thôn; chi khác theo chế độ quy định; - Kinh phí hoạt động của tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam ở xã; - Kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở xã (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam) sau khi trừ các khoản thu theo điều lệ và các khoản thu khác (nếu có); - Kinh phí hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở xã theo quy định của pháp luật; - Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn cho cán bộ xã và các đối tượng khác theo chế độ quy định;
11	Trợ giá, trợ cước theo chính sách cho các đối tượng theo quy định của Trung ương và của tỉnh;
12	Chi hỗ trợ đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn, hỗ trợ địa phương khác để thực hiện một số nhiệm vụ theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 9 Điều 9 của Luật NSNN năm 2015.
III.3	Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp xã.

Phụ lục II

**TỶ LỆ (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA
GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 2017-2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 45/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

STT	Nội dung	Tỷ lệ (%) phân chia giữa các cấp ngân sách		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
A	Các khoản thu do cấp tỉnh quản lý			
I	Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp (thu từ: DNNN (TW và địa phương quản lý); doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; thu từ khu vực công thương nghiệp, ngoài quốc doanh):			
1	Thành phố	90%	10%	
2	Hòa Thành	75%	25%	
3	Châu Thành	80%	20%	
4	Dương Minh Châu	80%	20%	
5	Trảng Bàng	80%	20%	
6	Gò Dầu	80%	20%	
7	Bến Cầu	80%	20%	
8	Tân Biên	80%	20%	
9	Tân Châu	75%	25%	
II	Thuế tiêu thụ đặc biệt	100%		
III	Thuế thu nhập cá nhân	100%		
IV	Thuế bảo vệ môi trường	100%		
B	Các khoản thu do cấp huyện quản lý			
I	Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ khu vực công thương nghiệp, ngoài quốc doanh; Thuế thu nhập cá nhân:			
1	Thành phố Tây Ninh			
	- Giữa Thành phố và phường 3		100%	0%
	- Giữa Thành phố và các xã, phường còn lại		90%	10%
2	Huyện Hòa Thành			
	- Giữa cấp huyện và thị trấn		100%	0%
	- Giữa cấp huyện và các xã còn lại		85%	15%
3	Huyện Châu Thành		80%	20%
4	Huyện Dương Minh Châu			
	- Giữa cấp huyện và xã Suối Đá		90%	10%
	- Giữa cấp huyện và: thị trấn, các xã còn lại		80%	20%

STT	Nội dung	Tỷ lệ (%) phân chia giữa các cấp ngân sách		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
5	Huyện Trảng Bàng			
	- Giữa cấp huyện và: thị trấn, xã An Tịnh		100%	0%
	- Giữa cấp huyện và các xã còn lại		80%	20%
6	Huyện Gò Dầu			
	- Giữa cấp huyện và thị trấn		100%	0%
	- Giữa cấp huyện và xã Phước Đông		90%	10%
	- Giữa cấp huyện và các xã còn lại		80%	20%
7	Huyện Bến Cầu		80%	20%
8	Huyện Tân Biên		80%	20%
9	Huyện Tân Châu			
	- Giữa cấp huyện và xã Suối Dây		89%	11%
	- Giữa cấp huyện và xã Suối Ngô		82%	18%
	- Giữa cấp huyện và: thị trấn, các xã còn lại		80%	20%
II	Lệ phí trước bạ (trừ lệ phí trước bạ nhà đất)		100%	0%
C	Các khoản thu do cấp xã quản lý			
I	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ		0%	100%
II	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		0%	100%
III	Lệ phí môn bài		0%	100%
IV	Lệ phí trước bạ nhà đất		0%	100%
V	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		0%	100%
VI	Thuế thu nhập cá nhân:			
1	Thành phố Tây Ninh			
	- Giữa Thành phố và phường 3		100%	0%
	- Giữa Thành phố và các xã, phường còn lại		90%	10%
2	Huyện Hòa Thành			
	- Giữa cấp huyện và thị trấn		100%	0%
	- Giữa cấp huyện và các xã còn lại		85%	15%
3	Huyện Châu Thành		80%	20%
4	Huyện Dương Minh Châu			
	- Giữa cấp huyện và xã Suối Đá		90%	10%
	- Giữa cấp huyện và: thị trấn, các xã còn lại		80%	20%
5	Huyện Trảng Bàng			
	- Giữa cấp huyện và: thị trấn, xã An Tịnh		100%	0%
	- Giữa cấp huyện và các xã còn lại		80%	20%
6	Huyện Gò Dầu			

STT	Nội dung	Tỷ lệ (%) phân chia giữa các cấp ngân sách		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	- Giữa cấp huyện và thị trấn		100%	0%
	- Giữa cấp huyện và xã Phước Đông		90%	10%
	- Giữa cấp huyện và các xã còn lại		80%	20%
7	<i>Huyện Bến Cầu</i>		80%	20%
8	<i>Huyện Tân Biên</i>		80%	20%
9	<i>Huyện Tân Châu</i>			
	- Giữa cấp huyện và xã Suối Dây		89%	11%
	- Giữa cấp huyện và xã Suối Ngô		82%	18%
	- Giữa cấp huyện và: thị trấn, các xã còn lại		80%	20%
VII	Thuế giá trị gia tăng thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh đối hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ			
1	<i>Thành phố Tây Ninh</i>			
	- Giữa Thành phố và phường 1		80%	20%
	- Giữa Thành phố và phường 2		50%	50%
	- Giữa Thành phố và phường 3		85%	15%
	- Giữa Thành phố và phường IV		70%	30%
	- Giữa Thành phố và các phường: Hiệp Ninh, Ninh Sơn, Ninh Thạnh		20%	80%
	- Giữa Thành phố và các xã, phường còn lại		0%	100%
2	<i>Huyện Hòa Thành</i>			
	- Giữa cấp huyện và thị trấn		60%	40%
	- Giữa cấp huyện và xã Long Thành Trung		30%	70%
	- Giữa cấp huyện và xã Hiệp Tân		65%	35%
	- Giữa cấp huyện và các xã còn lại		0%	100%
3	<i>Huyện Châu Thành</i>		0%	100%
4	<i>Huyện Dương Minh Châu</i>		0%	100%
5	<i>Huyện Trảng Bàng</i>			
	- Giữa cấp huyện và thị trấn		26%	74%
	- Giữa cấp huyện và xã An Tịnh		9%	91%
	- Giữa cấp huyện và các xã còn lại		0%	100%
6	<i>Huyện Gò Dầu</i>			
	- Giữa cấp huyện và thị trấn		30%	70%
	- Giữa cấp huyện và xã Phước Đông		70%	30%
	- Giữa cấp huyện và các xã còn lại		0%	100%
7	<i>Huyện Bến Cầu</i>		0%	100%
8	<i>Huyện Tân Biên</i>		0%	100%
9	<i>Huyện Tân Châu</i>		0%	100%